TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2022
"V/v: tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Việt Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Vinh Quang và bà Hoàng Thị Phương Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Bà Vũ Đức Hạnh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh P, sinh năm: 1977.
Địa chỉ: thôn Tân Thành, xã Tân Bình, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.
Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị H, sinh năm: 1983.
Địa chỉ: thôn Tân Thành, xã Tân Bình, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.
Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năm 2022, lời khai có trong hồ sơ và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn anh P thể hiện: anh và chị H về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, được gia đình hai bên tổ chức làm đám cưới nhưng do không hiểu biết nên không đăng ký kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân gia đình. Việc chung sống là do hai bên tự nguyện không bị ép buộc.

Sau khi về chung sống với nhau tình cảm giữa anh và chị H hòa thuận thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Đến năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng nên anh và chị H đã sống ly thân nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung là M, sinh năm 2002; H1, sinh ngày 29/6/2004 và Th, sinh ngày 13/3/2011. Sau khi ly hôn anh nhận nuôi 02 con H1 và Th đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Còn con chung M đã lớn trên 18 tuổi và đã lấy chồng nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay thể hiện: Chị và anh P được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, sau đó anh chị về chung sống cùng nhau từ năm 2001, do không hiểu biết pháp luật nên chị và anh P không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của anh chị hòa thuận đến năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng cãi chửi nhau, hai bên gia đình có khuyên giải cho anh chị nhưng thực thế chị và anh P không còn ở cùng nhau, nay anh P có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn chị cũng đồng ý.

Về con chung: Chị và anh P có 03 con chung là M, sinh năm 2002; H1, sinh ngày 29/6/2004 và Th, sinh ngày 13/3/2011. Sau khi ly hôn anh P nhận nuôi 02 con H1 và Th chị cũng đồng ý. Con chung M đã lớn trên 18 tuổi và đã lấy chồng nên chị không có ý kiến.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại xác nhận ngày 14/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã Tân Bình và biên bản xác minh ngày 14/4/2022 tại thôn Tân Thành, xã Tân Bình đều xác nhận anh P và chị H không đăng ký kết hôn tại xã, hai anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 tại địa phương là đúng.

Tại buổi hòa giải ngày 18/4/2022 cả hai đương sự đều có quan điểm: Về tình cảm: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh P nhận nuôi 02 con chung là H1, sinh ngày 29/6/2004 và Th, sinh ngày 13/3/2011 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung, chị H cũng đồng ý với ý kiến của anh P.

Tại lời khai của các con chung của anh P, chị H đều có nguyện vọng được ở với bố.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh P và chị H là vợ chồng. Giao cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là H1, sinh ngày 29/6/2004 và Th, sinh ngày 13/3/2011đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom con theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh P và chị H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Anh P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn

thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Anh P và chị H có thời gian để đăng ký kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình nhưng hai anh chị đã không làm thủ tục đăng ký kết hôn mà chỉ chung sống với nhau như vợ chồng. Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống giữa anh P và chị H chỉ hòa thuận được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2018 mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của anh chị làm ảnh hưởng đến cuộc sống chung của hai bên nội ngoại và các con, chị H đã không còn chung sống cùng anh P từ cuối năm 2018, cả hai anh chị đều không còn quan tâm đến nhau trong cuộc sống. Nay anh P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H, chị H cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ nên chấp nhận.

Về con chung: Anh P và chị H có 03 con chung là M, sinh năm 2002; H1, sinh ngày 29/6/2004 và T, sinh ngày 13/3/2011. Hai anh chị đã thỏa thuận anh Anh P nhận nuôi 02 con chung là H1, sinh ngày 29/6/2004 và Th, sinh ngày 13/3/2011 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung, chị H cũng đồng ý với ý kiến của anh P. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận sự thỏa thuận trên của hai đương sự.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Anh P phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Bản án được công khai trên cổng thông tin điện tử của hệ thống Tòa án nhân dân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 58 của luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh P và chị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là H1, sinh ngày 29/6/2004 và Th, sinh ngày

13/3/2011 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012529 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND H. Đầm Hà;
- Chi cục THADS H. Đầm Hà;
- UBND xã Tân Bình, H.Đầm Hà;
- Lưu án văn; Hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIEN TÒA

Hoàng Việt Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Nga